TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **52**/2020/DS – ST
Ngày: 21/9/2020.
V/v *tranh chấp:"Tranh chấp hụi"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Ông Phạm Quang Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hoàng Mích.

Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quốc Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/20120 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2019/TLST – DS ngày 11 tháng 9 năm 2019 về việc: "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2020/QĐXXST – DS ngày 06 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị N, sinh năm: 1962 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện H, tỉnh Bến Tre .

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn K, sinh năm: 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện H, tỉnh Bến Tre .

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Chị Huỳnh Ngọc Nh, sinh năm: 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện H, tỉnh Bến Tre .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/8/2019, trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và trong quá trình xét xử Nguyên đơn là bà Phạm Thị N trình bày:

Vào các năm 2016 và năm 2017 bà N có tham gia chơi hụi do anh Kiên, chị Nh làm chủ hụi. Bà N tham gia 04 dây hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần. Sau khi mãn hụi, 04 dây hụi bà N hốt được với số tiền là 135.000.000 đồng nhưng anh Kiên, chị Nh không giao tiền hụi cho bà N. Bà N nhiều lần yêu cầu anh Kiên, chị Nh trả số tiền hụi trên nhưng anh K, chị N vẫn không trả. Vào ngày 09/7/2019 anh K có viết tờ cam kết còn nợ bà N 135.000.000 đồng, vào ngày 15 tây hàng tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi trả dứt nợ, thời gian trả bắt đầu từ ngày 15/8/2019. Quá trình thực hiện hợp đồng anh K, chị Nh vẫn không trả tiền cho bà N.

Nay bà N yêu cầu Tòa án buộc anh K, chị Nh là vợ anh K có nghĩa vụ trả liên đới cho bà N 135.000.000 đồng tiền hụi và không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh K, chị Nh nhưng anh K, chị Nh không đến Tòa án để giải quyết tranh chấp hụi đối với bà N.

Tại phiên tòa bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đối với anh K, chị Nh, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đến phiên tòa xét xử, nhưng anh K, chị Nh vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ, căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc anh Ki, chị Nh có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N 135.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo bà Phạm Thị N trình bày vào năm 2016 và năm 2017 giữa bà Phạm Thị N và anh Lê Văn K, chị Huỳnh Ngọc Nh có thiết lập giao dịch dân sự về việc chơi hụi.

Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: "Tranh chấp hụi" được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Lê Văn K, chị Huỳnh Ngọc N có đăng ký thường trú tại ấp H, xã L, huyện H Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa anh K, chị Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đến phiên tòa xét xử anh K, chị Nh vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án xét xử vắng mặt anh K, chị Nh.

[4] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc anh K, chị Nh có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N 135.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, bà N đã cung cấp cho Tòa án tờ cam kết đề ngày 09/7/2019.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà N:

Tài liệu, chứng cứ do bà N giao nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp là tờ cam kết ngày 09/7/2019. Trong quá trình giải quyết vụ án anh K, chị Nh không đến tòa án để giải quyết tranh chấp hụi với bà N. Anh K, chị Nh không phản đối với yêu cầu khởi kiện của bà N theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, coi như mặt nhiên thừa nhận nợ bà N 135.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng anh K, chị Nh không trả tiền cho bà Nh là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà N. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu anh K, chị Nh có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N 135.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nghĩa vụ liên đới: Theo tờ cam kết đề ngày 09/7/2019 thì chỉ có anh K ký kết. Tuy nhiên hiện nay giữa anh K, chị Nh đang tồn tại quan hệ vợ chồng, trong quá trình giải quyết vụ án chị Nh cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà N. Do đó buộc chị N phải cùng anh K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N 135.000.000 đồng.

[5] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N. Buộc anh K, chị Nh có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N 135.000.000 đồng. Về lãi do bà N tự nguyện không yêu cầu nên ghi nhận.

[6] Đối với phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc anh K, chị Nh phải chịu: 6.750.000 đồng.

Bà N không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 3.375.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 280, 288, 357, 468 và 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 27, 30 và 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N đối với anh Lê Văn K và chị Huỳnh Ngọc Nh.

Buộc anh Lê Văn K và chị Huỳnh Ngọc Nh phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị N 135.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi lăm triệu đồng*).

[2]. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc anh Lê Văn K và chị Huỳnh Ngọc Nh phải chịu: 6.750.000 đồng (*Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Bà Phạm Thị N không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 3.375.000 đồng (*Ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0005965 ngày 11/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Bà Phạm Thị N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Lê Văn K và chị Huỳnh Ngọc Nh vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- TAND tỉnh Bến Tre (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Quang Hải